

# Quản trị, tham nhũng và chất lượng dịch vụ hành chính công tại các thành phố lớn ở Việt Nam

Trần Thị Bích\*

Ngày nhận: 19/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 27/11/2014

Ngày duyệt đăng: 3/12/2014

## Tóm tắt:

*Bài nghiên cứu này phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng, và chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam thông qua phân tích bộ số liệu về quản trị và hành chính công của Việt Nam năm 2012. Kết quả phân tích cho thấy khi mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình cao, cảm nhận của người dân về tham nhũng giảm. Bài nghiên cứu cũng cho thấy tham nhũng là một trong những nhân tố then chốt làm xói mòn chất lượng dịch vụ công trong khi minh bạch và trách nhiệm giải trình không có tác dụng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công. Kết quả nghiên cứu làm dấy lên lo ngại về bản chất thực sự của minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng như sự cần thiết về ý chí chính trị trong cuộc chiến chống tham nhũng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam.*

**Từ khoá:** Quản trị, tham nhũng, hành chính công, phân tích đa tương ứng.

## The Cycle of Transparency, Accountability, Corruption, and Public Administration Performance: Evidence from Vietnam

### Abstract:

*This paper investigates the correlation amongst transparency, accountability, corruption, and public administration performance in Vietnam using data from the Vietnam Provincial Governance and Public Administration Performance Index survey in 2012. The results show that a high level of transparency and accountability is accompanied with a low level of perception of corruption. The paper then shows that corruption is a critical factor that deteriorates the administration performance whereas transparency and accountability are ineffective in being translated into the quality of administrative services. The results raise the need to closely examine the de-facto forms of transparency and accountability as well as the political will in the fight against corruption to improve the quality of public administrative services in Vietnam.*

*Key words:* Governance, corruption, public administration performance, multiple correspondence analysis

### 1. Giới thiệu

Quản trị là một vấn đề xuyên chuỗi ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của quá trình phát triển. Kaufmann, Kraay và Zoido-Lobaton (1999, tr. 1) cho rằng ‘quản trị nhà nước được các chính quyền thực

hiện trên cơ sở các giá trị truyền thống và nền tảng thể chế’. Trong khi đó, Ngân hàng Phát triển Châu Á (1998, tr. 16) định nghĩa ‘quản trị là cách thức mà quyền lực được thực thi để quản lý nguồn lực kinh tế - xã hội của đất nước nhằm mục tiêu phát triển’. Nhằm đảm bảo một nền hành chính hiệu quả, quản

trị thường được gắn với các yếu tố về thể chế như minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của người dân vào các hoạt động của chính quyền, và các hành vi tuân thủ luật pháp (World Bank, 1994).

Minh bạch, theo nghĩa gốc, được hiểu là ‘dân biết’. Có nghĩa là người dân phải được biết chính quyền đang làm gì và có thể kiểm tra được các hoạt động của chính quyền. Người dân cần các thông tin chính xác và kịp thời để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách. Điều này sẽ làm giảm tham nhũng và tạo ra một nền hành chính đáp ứng và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

Trách nhiệm giải trình là một trục khác của quản trị và đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác phòng chống tham nhũng cũng như đảm bảo một nền hành chính hiệu quả. Trách nhiệm giải trình hàm ý người dân và các tổ chức xã hội có khuôn khổ luật pháp và khả năng kiểm soát hoạt động của các cơ quan công quyền và công chức. Khi trách nhiệm giải trình cao, nguy cơ tham nhũng giảm và như vậy dịch vụ hành chính công sẽ được cải thiện.

Về mặt lý thuyết, minh bạch và trách nhiệm giải trình sẽ làm giảm tham nhũng và tất cả các yếu tố này sẽ tạo ra một nền hành chính hiệu quả. Tuy nhiên, các phân tích thực nghiệm thường cho thấy mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng và chất lượng dịch vụ hành chính công thường rất phức tạp. Hơn nữa, thứ tự yếu tố nào xuất hiện trước, chẳng hạn, liệu một đất nước nên cải cách hành chính trước để có được minh bạch và giảm tham nhũng hay nên tập trung vào minh bạch và trách nhiệm giải trình trước nhằm chống tham nhũng và đạt được một nền hành chính hiệu quả vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi (Painter, 2012).

Tại Việt Nam, cải cách hành chính đã được thực hiện từ những năm 1990 nhằm hướng tới một nền hành chính công hiệu quả. Kết thúc giai đoạn 1, chương trình này được tăng cường ở giai đoạn 2 từ năm 2001 đến năm 2010. Dự án cải cách hành chính giai đoạn 2 nhấn mạnh vào các mục tiêu tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, cương quyết thực hiện chống tham nhũng, và thực hiện các dịch vụ hành chính có chất lượng cao. Tuy nhiên, kết quả của dự án đạt dưới mức hài lòng (ADB, 2011).

Bài nghiên cứu này đánh giá tác động của minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng tới chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam trên cơ

sở sử dụng bộ dữ liệu về quản trị và hành chính công (PAPI) tại Việt Nam năm 2012. Nghiên cứu sẽ đóng góp vào số ít bài trong tổng quan tư liệu lượng hoá tương quan giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng và chất lượng của nền hành chính công tại Việt Nam.

Bài nghiên cứu có kết cấu như sau. Tiếp theo phần giới thiệu, mục 2 đề cập phương pháp nghiên cứu. Mục 3 trình bày về dữ liệu và các biến sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả phân tích thực nghiệm được trình bày ở mục 4 và mục 5 nêu kết luận.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Mỗi một khía cạnh của quản trị bao gồm minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng như tham nhũng là những khái niệm phức tạp được đo lường bằng nhiều tiêu chí. Do vậy, trước tiên bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích đa tương ứng để rút ra thành phần chính đại diện cho mỗi khía cạnh của quản trị và tham nhũng. Sau đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp hồi quy để phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng, và chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam.

### 2.1. Phân tích đa tương ứng (MCA)

MCA là một phương pháp nén dữ liệu tương tự như phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) nhưng được áp dụng cho dữ liệu định tính có thang đo định danh và thứ bậc. Để nén dữ liệu, MCA đo lường tương quan giữa các biến và các quan sát bằng cách tính tham số đo khoảng cách Khi-bình phương (Le Roux và Rouanet 2004). Tính tương đồng giữa các biến và các quan sát sẽ được tối đa hoá để tìm ra các thành phần chính có khả năng mô tả tốt nhất tập dữ liệu gốc.

Phương pháp này được mô tả ngắn gọn như sau. Chúng ta có ma trận  $n \times m$  với các dòng tương ứng với các quan sát và các cột tương ứng với các biến. Giả sử một biến  $j$  có  $k_j$  giá trị định danh (phương án trả lời). Với mỗi biến  $j$ , dữ liệu được nhập dưới dạng ma trận thông số (indicator matrix)  $G_j$ . Ma trận này giống như một bảng tiếp liên với các dòng là các quan sát ( $n$ ) và các cột là các PATL ( $k_j$ ). Các ô của ma trận sẽ nhận giá trị bằng 1 nếu quan sát có PATL  $k_j$  hoặc bằng 0 nếu quan sát không có PATL đó. MCA xác định một véc tơ  $y_j$  nhằm định lượng các phương án trả lời của mỗi biến sao cho tính tương đồng được tối đa hoá. Như vậy, ma trận  $G_j y_j$  chính là định lượng của biến  $j$  của  $n$  quan sát. MCA tiến hành định lượng một cách đồng thời trên  $p$  trục. Gọi

$Y_j(kj \times p)$  là ma trận định lượng đồng thời trên  $p$  trục của biến  $j$ . Ma trận  $G_j Y_j$  sẽ là ma trận định lượng của các quan sát theo  $m$  biến. Giá trị định lượng của các biến và các quan sát được xác định nhằm tối thiểu hoá sự không tương đồng theo hàm số dưới đây:

$$\min \sigma(X, Y) = \sum_{j=1}^m SSQ(X - G_j Y_j) \quad (1)$$

Kết quả của bài toán này cho ra các thành phần chính. Số lượng các thành phần chính được giữ lại căn cứ vào giá trị của định thức (eigen values). Cũng giống như PCA, thành phần chính thứ nhất trong phương pháp MCA là thành phần quan trọng và lưu giữ được nhiều thông tin nhất.

### 2.2. Phương pháp hồi quy

Tác động của minh bạch và trách nhiệm giải trình đến tham nhũng được đánh giá thông qua mô hình hồi quy được mô tả như phương trình (2) dưới đây:

$$y|X, D = \omega + \beta X + \tau D + u \quad (2)$$

trong đó  $y$  là chỉ số về tham nhũng.  $X$  là véc tơ biến về đặc điểm cá nhân và các biến liên quan đến quản trị.  $D$  là biến giả cho vùng và  $u$  là sai số ngẫu nhiên.

Tác động của minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng đến chất lượng dịch vụ hành chính công được đo lường bằng mô hình hồi quy probit như mô tả ở phương trình (3) như sau:

$$\text{Pro}(Y=1|X, D) = \Phi(\eta + \beta'X + \tau'D + \varepsilon) \quad (3)$$

trong đó  $Y=1$  nếu người sử dụng dịch vụ hài lòng với bất kỳ dịch vụ hành chính công nào mà họ sử dụng hoặc bằng 0 nếu không hài lòng và  $\varepsilon$  là sai số ngẫu nhiên.

### 3. Dữ liệu và biến

Để phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng và chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam, bài nghiên cứu sử dụng bộ số liệu điều tra mẫu ở cấp quốc gia về quản trị và hành chính công tại Việt Nam năm 2012. PAPI thu thập các thông tin để đo lường hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp từ quan điểm của người sử dụng dịch vụ. Dữ liệu thu thập cho sáu trục thành phần bao gồm (i) sự tham gia của người dân; (ii) minh bạch; (iii) trách nhiệm giải trình; (iv) kiểm soát tham nhũng; (v) thủ tục hành chính công; và (vi) chất lượng dịch vụ công. Cuộc điều tra thử nghiệm của PAPI được thực hiện năm 2009 tại ba tỉnh Phú Thọ, Đà Nẵng, và Đồng Tháp. Sau thành công của điều tra thử nghiệm, cuộc điều tra được lặp lại hàng năm ở cấp quốc gia. Do các dịch vụ hành chính công

mà cuộc điều tra lựa chọn để tiến hành thu thập thông tin bao gồm dịch vụ cấp giấy phép xây dựng và dịch vụ cấp sổ đỏ có nhiều vấn đề ở các thành phố hơn là khu vực nông thôn nên nghiên cứu chỉ lựa chọn 5 thành phố để tiến hành phân tích. Các thành phố này bao gồm Hà Nội, Hải Phòng ở miền Bắc, Đà Nẵng ở miền Trung, Thành Phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ ở miền Nam. Bảng 1 trình bày cơ cấu mẫu được phân bổ tại các địa phương nghiên cứu.

**Bảng 1: Phân bổ mẫu nghiên cứu**

	Số người trả lời	%
Hà Nội	574	34.19
Hải Phòng	184	10.96
Đà Nẵng	192	11.44
TP. Hồ Chí Minh	536	31.92
Cần Thơ	193	11.49
Tổng	1,679	100.00

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012.

Cuộc điều tra của PAPI sử dụng một bảng hỏi cho cả khu vực thành thị và nông thôn. Một số câu hỏi trong bảng hỏi phù hợp với việc nghiên cứu về quản trị và dịch vụ hành chính công ở khu vực thành thị hơn trong khi một số câu hỏi khác lại phù hợp với việc nghiên cứu ở khu vực nông thôn. Do bài nghiên cứu này chỉ nghiên cứu quản trị và hành chính công tại khu vực đô thị nên tôi chỉ chọn ra một số câu hỏi phù hợp với nghiên cứu ở khu vực thành thị. Danh sách các biến sử dụng trong nghiên cứu được trình bày ở bảng 2.

### 4. Kết quả phân tích thực nghiệm

#### 4.1. Minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng

Như đã đề cập, mỗi một khía cạnh của quản trị và tham nhũng được đo lường bằng nhiều tiêu chí (tập biến). Trong bài nghiên cứu này, minh bạch được đo lường thông qua câu hỏi D203 'Công khai ngân sách xã/phường' và D204 'Người trả lời biết thông tin về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất của xã/phường'. Trách nhiệm giải trình đo lường bằng D302a1 'Góp ý xây dựng với chính quyền' và D303 'Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân' còn tham nhũng được đo lường thông qua bốn câu hỏi D402a-f như mô tả ở bảng 2. Cần lưu ý là với các câu hỏi về tham nhũng, số người trả lời lựa chọn các phương án trả lời 'Không biết' rất lớn và nếu bỏ các

**Bảng 2: Danh sách các biến sử dụng trong nghiên cứu**

	Mã câu hỏi trong bảng hỏi của PAPI	Số người trả lời
<b>1. Đặc điểm cá nhân</b>		
- Giới tính	A001	1,654
- Tuổi	A002	1,654
- Trình độ học vấn	A006	1,651
<b>2. Minh bạch</b>		
- Công khai ngân sách xã/phường	D203	1,643
- Người trả lời biết thông tin về kế hoạch quy hoạch sử dụng đất của xã/phường	D204	
<b>3. Trách nhiệm giải trình</b>		
- Góp ý xây dựng với chính quyền	D302a1	1,640
- Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân	D303	
<b>4. Tham nhũng</b>		
- Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	D402a	1,654
- Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	D402b	
- Người dân chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng	D402e	
- Để xin được việc trong cơ quan nhà nước, nhiều người phải đưa thêm tiền	D402f	
<b>5. Dịch vụ hành chính công</b>		
- Sử dụng dịch vụ công chứng	D501	805
- Sử dụng dịch vụ xin cấp giấy phép xây dựng	D505	127
- Sử dụng dịch vụ xin cấp sổ đỏ	D507	111

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào bộ số liệu PAPI 2012.

quan sát này đi, mẫu nghiên cứu sẽ giảm còn một nửa. Do vậy, nghiên cứu này sử dụng kết quả từ nghiên cứu của Trần Thị Bích (2014) về đánh giá ý nghĩa của phương án trả lời ‘Không biết’ trước khi áp dụng MCA.

Phương pháp MCA tạo ra duy nhất một thành phần chính (một biến ẩn) cho mỗi tập biến. Những biến ẩn này lần lượt được đặt tên là ‘*Minh bạch*’, ‘*Trách nhiệm giải trình*’, và ‘*Tham nhũng*’, là các chỉ số phản ánh minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng. Giá trị của các biến trên càng cao càng phản ánh mức độ thấp về minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng (xem Phụ lục A).

Các biến trên được sử dụng để ước lượng mô hình hồi quy sau:

$$corrupt = \omega + \beta X_j + \delta trans + \gamma account + \tau D + u \quad (4)$$

trong đó ‘*corrupt*’, ‘*trans*’ và ‘*account*’ là các biến liên tục và là các chỉ số ‘Minh bạch’, ‘Trách nhiệm giải trình’, và ‘Tham nhũng’ rút ra từ thành phần chính thứ nhất của phương pháp MCA.  $X_j$  là véc tơ các biến phản ánh đặc điểm cá nhân bao gồm giới

tính, tuổi và trình độ học vấn. Để kiểm soát khác biệt về vùng cũng như khác biệt giữa vùng đô thị bao gồm Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh khác gồm có Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ, các biến giả ‘Vùng’ và ‘Vùng đô thị’ được đưa vào và được ước lượng ở mô hình 2 và 3.

Bảng 3 cho thấy một kết quả thú vị là minh bạch và trách nhiệm giải trình có mức ý nghĩa thống kê rất lớn và ảnh hưởng tác động của chúng đến tham nhũng là vững ở tất cả các mô hình. Dấu âm (-) của các biến này cho thấy nếu điểm về minh bạch và trách nhiệm giải trình tăng lên – phản ánh mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình thấp – dẫn đến điểm về tham nhũng thấp – phản ánh mức độ cảm nhận về tham nhũng cao. Tác động ngược chiều của biến ‘Vùng đô thị’ cho thấy mức độ tham nhũng ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn so với các tỉnh còn lại. Hơn nữa, các tỉnh ở miền Bắc và miền Nam được đánh giá có mức độ tham nhũng cao hơn Đà Nẵng. Kết quả này không có gì đáng ngạc nhiên vì trong vòng mấy năm qua, Đà Nẵng luôn được coi là địa phương có ban lãnh đạo rất

**Bảng 3: Kết quả ước lượng từ mô hình hồi quy**

Biến phụ thuộc:		Tham nhũng				
Tổng số quan sát:		1630				
Phương pháp ước lượng:		OLS				
	Mô hình 1		Mô hình 2		Mô hình 3	
	Coeff.	t-stat	Coeff.	t-stat	Coeff.	t-stat
Nam	0.00	(0.01)	-0.01	(-0.21)	-0.04	(-0.83)
Tuổi	-0.01***	(-5.13)	-0.01***	(-4.73)	-0.01***	(-3.63)
Học vấn <sup>1</sup>						
- Tiểu học	0.08	(0.78)	0.09	(0.86)	0.11	(1.03)
- THCS	-0.06	(-0.59)	-0.04	(-0.38)	0.10	(1.03)
- THPT	-0.12	(-1.17)	-0.10	(-1.00)	0.01	(0.13)
- Cao đẳng+	-0.25*	(-2.28)	-0.22*	(-1.99)	-0.10	(-0.91)
Minh bạch	-0.15***	(-5.57)	-0.15***	(-5.70)	-0.14***	(-5.60)
Trách nhiệm	-0.11***	(-4.03)	-0.11***	(-3.96)	-0.13***	(-4.89)
Vùng đô thị			-0.16**	(-3.01)		
Vùng <sup>2</sup>						
- Bắc					-0.68***	(-8.56)
- Nam					-0.21**	(-2.66)
Hằng số	0.61***	(4.17)	0.66***	(4.50)	0.75***	(5.03)

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \* đạt mức ý nghĩa lần lượt 1%, 5%, and 10%.

<sup>1</sup>: Nhóm không có trình độ học vấn làm tham chiếu; <sup>2</sup>: Da Nang làm tham chiếu

năng động với quyết tâm cao trong phòng, chống tham nhũng.

**4.2. Minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng, và dịch vụ hành chính công**

PAPI lựa chọn các dịch vụ hành chính công để nghiên cứu dựa vào tần số sử dụng các dịch vụ này (UNDP, 2010). Ba dịch vụ được PAPI lựa chọn để điều tra năm 2012 là công chứng, dịch vụ cấp giấy phép xây dựng và dịch vụ cấp sổ đỏ. Mẫu nghiên cứu bây giờ giảm xuống còn 827 người sử dụng bất kỳ dịch vụ nào trong các dịch vụ nêu trên. Trong bài nghiên cứu này, chất lượng dịch vụ được đo lường bằng mức độ hài lòng của người sử dụng. Một biến giả được tạo ra và nhận giá trị bằng 1 nếu người sử dụng hài lòng với dịch vụ và bằng 0 nếu không hài lòng.

Để đánh giá tác động của minh bạch, trách nhiệm giải trình, và tham nhũng đến chất lượng dịch vụ hành chính công, mô hình hồi quy probit được sử dụng như mô tả ở phương trình (5).

$$Pro(Y=1|X,D) = \alpha + \beta'X_1 + \delta'trans + \gamma'account + \lambda'corrupt + \tau'D + \varepsilon \quad (5)$$

trong đó Y=1 cho thấy người sử dụng hài lòng với dịch vụ và bằng 0 nếu không hài lòng, Kết quả ước lượng từ mô hình probit được mô tả ở bảng 4.

Ngược lại với trường hợp tham nhũng, kết quả từ

bảng 4 không cho thấy có sự khác biệt về chất lượng dịch vụ hành chính công giữa vùng đô thị với các tỉnh khác cũng như không có sự khác biệt giữa các miền Bắc, Trung, Nam.

Tham số quan tâm ở bảng 4 phản ánh một câu chuyện khá thú vị về quản trị và chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam. Như kỳ vọng, tham nhũng có tác động tiêu cực đến mức độ hài lòng của những người sử dụng dịch vụ và tác động này là vững ở tất cả các mô hình. Điều này có nghĩa là khi điểm của tham nhũng cao – phản ánh mức độ tham nhũng thấp, người sử dụng hài lòng hơn đối với dịch vụ mà họ sử dụng. Kết quả này khẳng định gọi ý của tổng quan tư liệu rằng tham nhũng là một trong những nhân tố then chốt làm xói mòn chất lượng dịch vụ hành chính công trên thế giới cũng như tại Việt Nam.

Một điều đáng ngạc nhiên từ bảng 4 là minh bạch có tác động ngược chiều đến mức độ hài lòng. Có nghĩa là nếu mức độ minh bạch thấp, người sử dụng lại hài lòng hơn đối với dịch vụ mà họ sử dụng. Hơn nữa, trách nhiệm giải trình không có ý nghĩa tác động đến mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ. Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng trong khi tham nhũng tác động trực tiếp đến chất lượng dịch vụ hành chính công, minh bạch và trách nhiệm giải

**Bảng 4: Kết quả ước lượng từ hàm probit**

	Mô hình 1		Mô hình 2		Mô hình 3	
	Coeff.	t-stat	Coeff.	t-stat	Coeff.	t-stat
<i>Biến phụ thuộc: Sự hài lòng của khách hàng với dịch vụ sử dụng</i>						
<i>Tổng số quan sát:</i>	872		872		872	
Nam	0.016	(0.13)	0.022	(0.18)	-0.003	(-0.02)
Tuổi	-0.002	(-0.45)	-0.003	(-0.53)	-0.001	(-0.11)
Học vấn <sup>1</sup>						
- Tiểu học	0.025	(0.09)	0.038	(0.13)	0.044	(0.15)
- THCS	0.087	(0.32)	0.092	(0.34)	0.163	(0.60)
- THPT	0.333	(1.24)	0.338	(1.26)	0.407	(1.49)
- Cao đẳng+	0.138	(0.51)	0.141	(0.52)	0.209	(0.75)
Minh bạch	-0.157*	(-2.29)	-0.155*	(-2.25)	-0.158*	(-2.31)
Trách nhiệm	-0.052	(-0.78)	-0.054	(-0.80)	-0.067	(-0.97)
Tham nhũng	0.185**	(2.91)	0.188**	(2.94)	0.151*	(2.30)
Vùng đô thị			0.067	(0.52)		
Vùng <sup>2</sup>						
- Bắc					-0.364	(-1.67)
- Nam					-0.140	(-0.64)
Hằng số	1.248***	(3.31)	1.217**	(3.20)	1.327***	(3.31)

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \* đạt mức ý nghĩa lần lượt 1%, 5%, and 10%.

<sup>1</sup>: Nhóm không có trình độ học vấn làm tham chiếu, <sup>2</sup>: Đà Nẵng làm tham chiếu

trình lại vô hiệu hoá trong việc góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ. Kết quả này làm dấy lên lo ngại về tính hình thức của minh bạch và trách nhiệm giải trình tại Việt Nam cũng như việc cần thiết phải tìm ra cách thức có hiệu quả cho minh bạch và trách nhiệm giải trình.

### 5. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Minh bạch và trách nhiệm giải trình ngày càng trở thành một công cụ quản lý phổ biến trong cuộc chiến chống tham nhũng và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Tuy nhiên, việc chúng đóng góp như thế nào vào cuộc chiến chống tham nhũng và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công vẫn chưa được hiểu một cách cặn kẽ. Bài nghiên cứu này góp thêm những bằng chứng thực nghiệm thông qua việc phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng, và chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam.

Sử dụng phương pháp phân tích đa tương ứng và các mô hình hồi quy, bài nghiên cứu phân tích bộ số liệu PAPI năm 2012 nhằm phân tích mối liên hệ giữa minh bạch, trách nhiệm giải trình, tham nhũng và chất lượng dịch vụ hành chính công tại năm thành phố lớn tại Việt Nam bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình cao thường đi cùng với cảm nhận về tham nhũng thấp. Hơn nữa, vấn đề tham nhũng nghiêm trọng hơn ở các vùng đô thị (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) và ở miền Bắc và miền Nam. Điều này hàm ý rằng, hiệu quả của việc chống tham nhũng có liên hệ tương quan chặt chẽ đến ý chí chính trị vì Đà Nẵng vẫn luôn được coi là tỉnh có ban lãnh đạo với quyết tâm cao trong phòng chống tham nhũng trong những năm qua.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tham nhũng là một trong những nhân tố chính trong việc làm xói mòn chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam. Bên cạnh đó, minh bạch và trách nhiệm giải trình tại các địa phương không có tác động trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công. Điều này làm dấy lên lo ngại về tính hình thức của minh bạch và trách nhiệm giải trình tại Việt Nam.

Nhìn chung, những kết quả từ bài nghiên cứu cho thấy nhu cầu cần thiết phải xem lại cách thức mà minh bạch và trách nhiệm giải trình đang được thực hiện cũng như ý chí chính trị trong công tác phòng chống tham nhũng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công tại Việt Nam. □

## Lời cảm ơn

Tác giả xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã tài trợ cho nghiên cứu này.

## Phụ lục A

Minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng là những khái niệm đa chiều. Trong bài nghiên cứu này, phương pháp MCA thông thường được áp dụng cho mỗi tập biến phản ánh minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng. MCA chỉ rút ra được một chiều (biến ẩn) duy nhất từ mỗi tập biến ban đầu. Giá trị của các biến này là liên tục và là chỉ số phản ánh minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng. Sau đó bài nghiên cứu tiếp tục tính giá trị trung bình của các biến mới được tạo ra cho mỗi nhóm của từng thành phần. Kết quả được trình bày ở các bảng A1, 2, và 3. Như quan sát từ các bảng này, giá trị cao của các biến ẩn mới phản ánh mức độ minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng thấp.

**Bảng A1: Điểm trung bình về minh bạch**

Items	Nhóm	Số quan sát	Điểm TB
Công khai ngân sách xã/phường	No	997	0.62
	Yes	633	-0.98
Công khai ngân sách xã/phường	No	1320	0.38
	Yes	310	-1.61

**Bảng A2: Điểm trung bình về trách nhiệm**

Items	Nhóm	Số quan sát	Điểm TB
Góp ý xây dựng với chính quyền Xã/phường có Ban Thanh tra nhân dân	No	1237	0.45
	Yes	393	-1.42
Góp ý xây dựng với chính quyền	No	1009	0.63
	Yes	621	-1.02

**Bảng A3: Điểm trung bình về tham nhũng**

Items	Nhóm	Số quan sát	Điểm TB
Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	No	806	0.76
	Yes	824	-0.74
Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	No	745	0.87
	Yes	885	-0.73
Cán bộ chính quyền dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng	No	670	0.97
	Yes	960	-0.68
Người dân chi thêm tiền để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	No	497	1.18
	Yes	1133	-0.52

## **Tài liệu tham khảo**

- ADB (2011), *Viet Nam: Support the Implementation of the Public Administration Reform Master Program, Phase 1*, Báo cáo của ADB, PCV: VIE 2011-64, Hanoi, Vietnam.
- Kaufmann, D., Kraay, A., và Zoido-Lobaton, P. (1999), *Governance Matters*, Policy Research Paper 2196, World Bank Institute, Washington.
- Le Roux, B. and H. Rouanet (2004), *Geometric Data Analysis, From Correspondence Analysis to Structured Data Analysis*, Dordrecht. Kluwer: p.180.
- Painter, M. (2012), 'Poor Governance for Development in China and Vietnam', trong *Is Good Government Good for Development?*, Sundaram, J.K. and Chowdhury, A., (Chủ biên). London: Bloomsbury Academic (in association with the United Nations), tr. 135-50
- Trần Thị Bích (2014), 'Liệu minh bạch và trách nhiệm giải trình có tác động trong cuộc chiến chống tham nhũng tại Việt Nam' *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, Số 203(II), tr. 111-119.
- UNDP, CECODES, và Mặt Trận Tổ Quốc (2010), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam*, Hanoi, Vietnam.
- World Bank (1994), *Governance: The World Bank's Experience*, World Bank Washington.

---

## **Thông tin tác giả:**

**\*Trần Thị Bích, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Thống kê, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: bichtt@neu.edu.vn; tranhibich@yahoo.com